

Số: 01/2018/QĐST - DSST

Mường Tè, ngày 22 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2018/TLST-DSST, ngày 09 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị Diệu M - Sinh năm 1976

Trú tại: Khu phố 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Tự do

Bị đơn: Anh Nguyễn Điệp T

Trú tại: Khu phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Tự do

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Trần Thị Diệu M và anh Nguyễn Điệp T thoả thuận, thống nhất, nhất trí anh Nguyễn Điệp T còn nợ chị Trần Thị Diệu M số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Anh Nguyễn Điệp T và chị Trần Thị Diệu M thoả thuận, nhất trí, anh Nguyễn Điệp T trả cho chị Trần Thị Diệu M chia làm 02 lần, lần thứ nhất đến ngày 30/01/2018, anh Nguyễn Điệp T trả cho

chị Trần Thị Diệu M số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); Lần thứ hai đến ngày 30/6/2018 anh Nguyễn Điệp T trả số tiền còn lại là 250.000.000 đồng(Hai trăm năm mươi triệu đồng). Nếu đến thời hạn trả bên có nghĩa vụ theo thỏa thuận không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi xuất tương ứng với số tiền chậm trả theo lãi xuất do Ngân hàng Nhà nước Việt nam quy định tại thời điểm chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2.3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Điệp T và chị Trần Thị Diệu M phải chịu 50% án phí giá ngạch tương ứng với số tiền 500.000.000 đồng được tính như sau: $20.000.000 \text{ đồng} + 4.000.000 = 24.000.000 \times 50\% = 12.000.000 \text{ đồng}$ (mười hai triệu đồng). Buộc anh Nguyễn Điệp T phải chịu 50% án phí giá ngạch trên tổng số tiền án phí 12.000.000 đồng, số tiền án phí anh Nguyễn Điệp T phải chịu là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); chị Trần Thị Diệu M phải chịu 50% án phí giá ngạch trên tổng số tiền án phí 12.000.000 đồng, số tiền án phí chị Trần Thị Diệu M phải chịu là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Đối với chị Trần Thị Diệu M được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) theo biên lai số AA/2010/0000419, ngày 05/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Lai Châu. Trả lại cho chị Trần Thị Diệu M số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) trong tổng số 14.000.000 đồng(mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện M, tỉnh Lai Châu theo biên lai số AA/2010/0000419, ngày 05/10/2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Mạnh Trang

